

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ

Số: 8186 /SYT-TCCB

V/v chuyển thông báo tuyển sinh tại
Trường Đại học Nam Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Sở Y tế nhận Thông báo của Trường Đại học Nam Cần Thơ: Thông báo số 179/TB-ĐHNCT ngày 22/7/2026 về việc tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa đợt 2 năm 2026 (Học tập trực tuyến - văn bằng 2); Thông báo số 122/TB-ĐHNCT ngày 02/6/2026 tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ và Chuyên khoa cấp I năm 2026 - Đợt 2; Thông báo số 123/TB-ĐHNCT ngày 02/6/2026 Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026 - Đợt 2.

Sở Y tế chuyển nội dung các Thông báo trên đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc biết, cử công chức, viên chức đăng ký tham dự theo nhu cầu vị trí việc làm./.

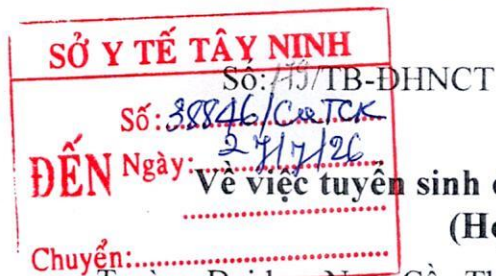
Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB. Huỳnh.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Trần Công Hiền



Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa đợt 2 năm 2026
(Học tập trực tuyến – văn bằng 2)

Trường Đại học Nam Cần Thơ thông báo tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa đợt 2 (học tập trực tuyến – văn bằng 2) năm 2026. Cụ thể như sau:

I. Ngành tuyển sinh, phương thức xét tuyển và chỉ tiêu (dự kiến)

STT	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Ngôn ngữ Anh	Kết quả học tập bậc Đại học	200
2	Quản trị kinh doanh		150
3	Tài chính ngân hàng		100
4	Kế toán		150
5	Công nghệ thông tin		150
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		100

II. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học đăng ký dự tuyển vào một ngành đào tạo khác với ngành đã tốt nghiệp;

III. Điều kiện xét tuyển:

- Xét tuyển dựa vào kết quả điểm trung bình tích lũy toàn khóa bậc đại học.
- Điều kiện dự tuyển: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa bậc đại học lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm (đối với các trường tính theo thang điểm 10) và 2,0 điểm (đối với các trường tính theo thang điểm 4).

IV. Phương thức và thời gian đào tạo

4.1. Phương thức đào tạo

Được đào tạo theo phương pháp E-Learning (học trực tuyến) với ưu điểm:

- Sinh viên có thể học mọi lúc, mọi nơi, chỉ cần có kết nối internet. Điều này phù hợp với những người bận rộn hoặc đang đi làm.
- Học trực tuyến 100%, giúp tiết kiệm thời gian di chuyển và chi phí đi lại.
- Tài liệu học tập được số hóa (video bài giảng, bài tập, tài liệu tham khảo) giúp sinh viên dễ dàng xem lại bất cứ lúc nào.
- Sinh viên được làm quen và sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, kỹ năng này rất hữu ích trong công việc và cuộc sống sau này.

- Phù hợp với nhiều đối tượng: Không chỉ dành cho sinh viên chính quy, mà còn phù hợp với người đang đi làm, người muốn học thêm ngành thứ hai hoặc nâng cao trình độ.

4.2. Thời gian đào tạo: Từ 2 năm

V. Hồ sơ đăng ký xét tuyển và Hồ sơ nhập học

Hồ sơ xét tuyển	Hồ sơ nhập học
- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu)	- Giấy báo trúng tuyển (bản gốc)
- Bản sao Căn cước công dân	- Bản sao Căn cước công dân
- Bản sao công chứng bằng TN đại học	- Bản sao công chứng bằng TN đại học
- Bản sao công chứng Bảng điểm đại học	- Bản sao công chứng Bảng điểm đại học
	- Lý lịch sinh viên (theo mẫu), 1 ảnh 3x4, Bản sao giấy khai sinh

VI. Học phí

- Học phí: 450.000đ/tín chỉ (đơn giá tín chỉ ổn định suốt khoá học), học phí học kỳ 1 là 7.200.000đ.

VII. Thời gian đăng ký và phương thức gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến ngày 30/08/2026

Cách thức đăng ký: Thí sinh nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện

Địa chỉ 1: *Phòng Tư vấn Tuyển sinh và HN (C2-08, Khu C) Trường Đại học Nam Cần Thơ* - Số 168, Nguyễn Văn Cừ nối dài, P. An Bình, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: 0292 3798 168 – Hotline/Zalo: 0939 257 838

Email: tuyensinhdnc@nctu.edu.vn

Website: www.nctu.edu.vn

Địa chỉ 2: *Phòng Đào tạo - Trường Cao đẳng Miền Nam* -416 Nguyễn Văn Khôi, Phường Thông Tây Hội, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3989 3967

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo (để b/c);
- P.TVTS&HN, P.QLĐT;
- Đối tượng tuyển sinh;
- Lưu VT.


TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Số 122/TB-ĐHNCT

SỞ Y TẾ TÂY NINH

Số: 38844

ĐẾN

Ngày 24/4/26
Tuyên sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ và Chuyên khoa cấp I năm 2026 - Đợt 2

THÔNG BÁO

Chuyên: TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (Nhóm 1)

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Tổ chức học tập
1	Quản trị kinh doanh (QTKD)	8340101	40	Có 2 hình thức tùy học viên lựa chọn: - Học tập vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 - Học tập: Thứ 6, Thứ 7 và Chủ nhật
2	Luật (LUAT)	8380101	20	
3	Luật kinh tế (LKT)	8380107	45	
4	Dược lý và Dược lâm sàng (DLS)	8720205	50	
5	Công nghệ thông tin (CNTT)	8480201	40	
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (QTDL)	8810103	35	
7	Kỹ thuật cơ khí động lực (CKDL)	8520116	35	

2. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NỘI KHOA, NGOẠI KHOA (Nhóm 2)

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Môn thi tuyển
1	Ngoại khoa	8720107	45	Môn cơ sở: Giải phẫu Môn chuyên ngành: Ngoại khoa
2	Nội khoa	8720104	45	Môn cơ sở: Sinh lý Môn chuyên ngành: Nội khoa

3. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I (Nhóm 3)

TT	Ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Môn thi tuyển
1	Ngoại khoa	40	Môn cơ sở: Giải phẫu Môn chuyên ngành: Ngoại khoa
2	Nội khoa	40	Môn cơ sở: Sinh lý Môn chuyên ngành: Nội khoa
3	Dược lý và Dược lâm sàng	40	Môn cơ sở: Sinh lý Môn chuyên ngành: Dược lý và Dược lâm sàng

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

4.1 Đối với các ngành Thạc sĩ thuộc Nhóm 1

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành được đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ (Phụ lục 1: Danh mục ngành được dự tuyển và các học phần bổ sung kiến thức).
- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc

(Phụ lục 2: Bảng quy đổi tương đương cấp độ ngoại ngữ), hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài. Trường có tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào tương đương bậc 3/6 cho các ứng viên chưa đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ theo quy định như trên.

4.2 Đối với ngành Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa (Nhóm 2)

- Điều kiện tuyển sinh: Đã tốt nghiệp đại học Y khoa.
- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (Phụ lục 2: Bảng quy đổi tương đương cấp độ ngoại ngữ), hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài. Trường có tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào tương đương bậc 3/6 cho các ứng viên chưa đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ theo quy định như trên.

4.3 Đối với các ngành Chuyên khoa cấp I (Nhóm 3)

- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành được đăng ký dự thi.
- Có chứng chỉ hành nghề.
- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Đối với các ngành/chuyên ngành yêu cầu phải có Giấy phép hành nghề theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh; thí sinh chỉ được dự thi sau khi có giấy phép/chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.
- Không giới hạn độ tuổi của thí sinh.

Ghi chú:

- Sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo bậc Đại học (hoặc trình độ tương đương) năm thứ 4 đối với ngành Y, Dược; năm thứ 3 đối với các ngành khác và có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại **khá** trở lên được đăng ký học không quá 15 tín chỉ các học phần trình độ thạc sĩ nhằm tích lũy năng lực chuyên môn.
- Người có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có bản công chứng tiếng Việt văn bằng tốt nghiệp, bảng điểm tiếng Việt kèm văn bản xác minh của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp nước ngoài khi nộp hồ sơ dự tuyển.

5. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

5.1 Đối với các ngành Thạc sĩ thuộc Nhóm 1

- Xét tuyển theo kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương đối với thí sinh đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Xét tuyển kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được áp dụng đối với ứng viên chưa đảm bảo điều kiện ngoại ngữ theo quy định.
- Căn cứ vào điểm của 02 học phần chủ chốt ở trình độ đại học (môn cơ sở và môn chuyên ngành) và điểm trung bình tích lũy ở đại học của thí sinh. Các thành phần xét tuyển phải đạt từ 5 điểm trở lên (theo thang điểm 10). Tổng điểm của thí sinh được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp và được xét trúng tuyển đến khi đủ chỉ tiêu từng ngành.

TT	Ngành	Xét tuyển theo điểm	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	QTKD	Kinh tế học + Quản trị học + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	Thí sinh đạt ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo	Thí sinh đang học đại học
2	LUAT	Luật hành chính + Luật hiến pháp + Điểm trung bình tích lũy ở đại học		

TT	Ngành	Xét tuyển theo điểm	Ngoại ngữ	Ghi chú
3	LKT	Luật thương mại + Luật dân sự + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (<i>Trường có tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào cho các thí sinh chưa đạt trình độ ngoại ngữ</i>)	được đăng ký học không quá 15 tín chỉ của chương trình thạc sĩ tương ứng.
4	DLS	Dược lý + Dược lâm sàng + Điểm trung bình tích lũy ở đại học		
5	CNTT	Lập trình căn bản + Toán rời rạc 1 + Điểm trung bình tích lũy ở đại học		
6	QTDL	Tổng quan Du lịch + Quản trị kinh doanh lý hành + Điểm trung bình tích lũy ở đại học		
7	CKDL	Lý thuyết ô tô + Nguyên lý động cơ đốt trong + Điểm trung bình tích lũy ở đại học		

- Có xét công nhận tương đương kiến thức đã học với học phần xét tuyển.
- Thí sinh đăng ký học **bổ sung kiến thức** (*Phụ lục 1*) cần liên hệ sớm để được hướng dẫn chi tiết.

5.2 Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa (Nhóm 2) và Chuyên khoa cấp I (Nhóm 3)

- Hình thức: Thi tuyển (Trắc nghiệm/Tự luận)
- Môn thi:
 - Môn thi 1: Môn cơ sở
 - Môn thi 2: Môn chuyên ngành
- Các môn thi cơ sở, chuyên ngành đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Tính tổng điểm môn cơ sở và môn chuyên ngành, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến khi đủ chỉ tiêu từng ngành.

Lưu ý: Trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển đối với:

- (1) Thí sinh là nữ (theo quy định tại Khoản 4, Điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới);
- (2) Thí sinh có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

6. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo chính quy. Đào tạo theo định hướng ứng dụng;
- Hình thức giảng dạy: Giảng dạy tập trung (offline) và trực tuyến (online) hoặc kết hợp cả hai vừa tập trung vừa trực tuyến;
- Thời gian học tập: Có 2 phương án cho học viên lựa chọn:
 - Phương án 1: Học từ thứ hai đến thứ sáu.
 - Phương án 2: Học từ thứ sáu đến chủ nhật.
- Thời gian đào tạo trình độ Thạc sĩ và chuyên khoa cấp I: 02 năm (tối đa 04 năm)

7. HỒ SƠ, LỆ PHÍ, HỌC PHÍ

7.1 Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Thí sinh in file tải từ website www.nctu.edu.vn. **Không hoàn trả hồ sơ và lệ phí đã nộp.**

Thực hiện theo mẫu hồ sơ. Bản photo cần có chứng thực sao y.

- Phiếu đăng ký dự tuyển có dán ảnh (*theo mẫu*);
- Căn cước công dân;
- Bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm/phụ lục văn bằng đại học;

- d. Bảng điểm bổ sung kiến thức (nếu có);
- e. Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6;
- f. Giấy xác nhận tương đương văn bằng của Cục Quản lý chất lượng đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do nước ngoài cấp (nếu có).
- g. Chứng chỉ hành nghề phù hợp với ngành đăng ký dự thi (đối với chuyên khoa cấp I)

7.2 Lệ phí hồ sơ, ôn tập, dự thi và học bổ sung kiến thức

- Lệ phí tiếp nhận, xét tuyển sinh: 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/bộ hồ sơ.
- Học bổ sung kiến thức: 550.000 (Năm trăm năm mươi ngàn) đồng/tín chỉ.

Ghi chú: Mức lệ phí học bổ sung kiến thức trên chỉ áp dụng cho mỗi lớp 10 học viên. Trường hợp số học viên ít hơn sẽ áp dụng mức lệ phí theo khoá học thực tế.

- Lệ phí ôn tập và dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 1.200.000 đồng

7.3 Học phí và chính sách miễn, giảm học phí

TT	Ngành đào tạo	Học phí toàn khóa (VNĐ)
1	Thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng	105.000.000
2	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	52.000.000
3	Thạc sĩ Luật	65.000.000
4	Thạc sĩ Luật kinh tế	62.000.000
5	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	55.000.000
6	Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	55.000.000
7	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí Động lực	70.000.000
8	Thạc sĩ Nội khoa	145.000.000
9	Thạc sĩ Ngoại khoa	145.000.000
10	Chuyên khoa cấp I Nội khoa	145.000.000
11	Chuyên khoa cấp I Ngoại khoa	145.000.000
12	Chuyên khoa cấp I Dược lý Dược lâm sàng	110.000.000

Ghi chú: Mức học phí trên được áp dụng cố định cho toàn khóa và được thu trong 3 học kỳ đầu khóa học.

- Nhà trường có chính sách giảm học phí cho các đối tượng là cựu sinh viên trường; cha/mẹ con ruột, anh/chị/em ruột, vợ/chồng cán bộ, nhân viên, giảng viên của trường hoặc cùng học tại trường, với mức giảm từ 10-20% tùy đối tượng. Chế độ miễn, giảm được cập nhật chi tiết tại trang web: www.nctu.edu.vn.

8. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ (cập nhật tại website: www.nctu.edu.vn)

- Tiếp nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày **15/8/2026**
- Học bổ sung kiến thức ngành: **Hồ sơ riêng, theo hướng dẫn của Khoa Sau Đại học**
- Thời gian tổ chức thi CKI, Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa: dự kiến ngày **20/9/2026**
- Thời gian tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: dự kiến ngày **27/9/2026**
- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: dự kiến ngày **05/10/2026**
- Thời gian nhập học: dự kiến **10/10/2026**

9. ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Khoa Sau đại học (Phòng D1-03A), Trường ĐH Nam Cần Thơ - số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: (02923) 798 874 - **Hotline/Zalo:** 0342 649 168

Email: khoasaudaihoc@nctu.edu.vn

Website: <https://nctu.edu.vn/khoa-sau-dai-hoc>

Nơi nhận:

- HDT (để báo cáo);
- Website NCT, truyền thông công cộng: thông tin;
- Các đơn vị thuộc Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, TC-HC, K.SĐH.



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NGÀNH ĐƯỢC DỰ TUYỂN¹ VÀ
CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 122/TB-ĐHNCT, ngày 02 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường ĐH Nam Cần Thơ)

I. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1 2 3 4 5 6	Quản trị kinh doanh Marketing Bất động sản Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Kinh doanh thời trang và dệt may	Kinh tế học + Quản trị học + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	Không học bổ sung kiến thức
8	Tất cả các khối ngành, nhóm ngành và ngành khác.	Kinh tế học + Quản trị học + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Kinh tế vi mô (2 TC) 2. Kinh tế vĩ mô (2 TC) 3. Quản trị học (2 TC) 4. Nguyên lý thống kê (2 TC) 5. Nguyên lý kế toán (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

II. Thạc sĩ Luật

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Pháp luật, gồm các ngành: - Luật; - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật dân sự và tố tụng dân sự; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật tư pháp; Luật thương mại quốc tế; Luật kinh doanh quốc tế và các chuyên ngành luật khác được Hội đồng tuyển sinh chấp thuận.	Luật Hành Chính + Luật Hiến pháp + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	Không học bổ sung kiến thức
2	Tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo gắn với pháp luật của: - Học viện Tòa án; - Đại học kiểm sát;	Luật Hành Chính + Luật Hiến pháp + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Lý luận nhà nước và pháp luật (2 TC) 2. Luật Hành chính (2 TC) 3. Luật Hiến pháp (2 TC)

¹ Lưu ý: Đối với các ngành ngoài danh mục sẽ do Khoa chuyên môn phối hợp Hội đồng tuyển sinh xem xét và trình Ban giám hiệu phê duyệt.

- Đại học an ninh nhân dân; - Đại học cảnh sát nhân dân; - Học viện Hành chính Quốc gia; Các trường khác thuộc hệ thống các trường của Công an, quân đội mà chuyên ngành đào tạo gắn với pháp luật (các ngành được xét tuyển do Khoa chuyên môn đề xuất Ban Giám hiệu quyết định căn cứ vào tên chuyên ngành và bảng điểm của thí sinh).		(Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)
---	--	---

Ghi chú: Trường hợp Bảng điểm của người dự tuyển đã có môn Lý luận Nhà nước và Pháp luật thì sẽ thay thế bằng môn Tổ tụng dân sự. Trường hợp người dự tuyển đã học môn Luật Hành chính thì sẽ thay thế bằng môn Luật Lao động. Trường hợp người dự tuyển đã học môn Luật Hiến pháp thì sẽ được thay thế bằng môn Luật Đất đai.

III. Thạc sĩ Luật Kinh tế

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Pháp luật, gồm các ngành: - Luật; - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật dân sự và tổ tụng dân sự; - Luật hình sự và tổ tụng hình sự; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật tư pháp; Luật thương mại quốc tế; Luật kinh doanh quốc tế và các chuyên ngành luật khác được Hội đồng tuyển sinh chấp thuận.	Luật Thương mại + Luật Dân sự + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	Không học bổ sung kiến thức
2	Tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo gắn với pháp luật của: - Học viện Tòa án; - Đại học kiểm sát; - Đại học an ninh nhân dân; - Đại học cảnh sát nhân dân; - Học viện Hành chính Quốc gia; Các trường khác thuộc hệ thống các trường của Công an, quân đội mà chuyên ngành đào tạo gắn với pháp luật (các ngành được xét tuyển do Khoa chuyên môn đề xuất Ban Giám hiệu quyết định căn cứ vào tên chuyên ngành và bảng điểm của thí sinh).	Luật Thương mại + Luật Dân sự + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Lý luận về nhà nước và pháp luật (2 TC) 2. Luật Thương mại (2 TC) 3. Luật Dân sự (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

Ghi chú: Trường hợp Bảng điểm của người dự tuyển đã có môn Lý luận Nhà nước và Pháp luật thì sẽ thay thế bằng môn Tổ tụng dân sự. Trường hợp người dự tuyển đã học môn Luật thương mại thì sẽ thay thế bằng môn Luật Lao động. Trường hợp người dự tuyển đã học môn Luật dân sự thì sẽ được thay thế bằng môn Luật Đất đai.

IV. Thạc sĩ Công nghệ thông tin

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1 2 3 4 5 6 7 8	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Mạng máy tính & Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu; An toàn thông tin;	Lập trình căn bản + Toán rời rạc 1 + Điểm trung bình tích lũy bậc đại học	Không học bổ sung kiến thức
9 10 11 12 13 14 15 16	Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin; Su phạm tin học; Hệ thống thông tin quản lý; Thương mại điện tử; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý thông tin.	Lập trình căn bản + Toán rời rạc 1 + Điểm trung bình tích lũy bậc đại học	1. Lập trình căn bản (3 TC) 2. Toán rời rạc 1 (3 TC) 3. Cấu trúc dữ liệu (3 TC) 4. Cơ sở dữ liệu (3 TC) 5. Phân tích và thiết kế thuật toán (3 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

Ghi chú: Tổng điểm xét tuyển ≥ 15.00 (thang điểm 10). Môn Lập trình căn bản có thể thay bằng một môn lập trình khác. Môn Toán rời rạc 1 có thể thay bằng môn Toán rời rạc. Nếu trong bảng điểm đã có một số môn phải học bổ sung hoặc đã có môn tương đương với môn phải học bổ sung thì xét miễn học bổ sung những môn đó. Các môn thay thế để xét tuyển và các môn miễn học bổ sung do Khoa chuyên môn quyết định đối với từng người dự tuyển.

V. Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Dược học	Dược lý + Dược lâm sàng + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	Không học bổ sung kiến thức
2	Hóa dược	Dược lý + Dược lâm sàng + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Dược lý (3 TC) 2. Dược lâm sàng (3 TC) 3. Pháp chế dược (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)
3	(Nhóm ngành) Y học, Bác sĩ đa khoa	Dược lý + Dược lâm sàng + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	4. Hóa dược (3 TC) 5. Dược lý (3 TC) 6. Dược lâm sàng (3 TC) 7. Pháp chế dược (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

VI. Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1 2	Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;	Tổng quan du lịch + Quản trị kinh doanh lữ hành + Điểm trung bình	Không học bổ sung kiến thức

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
3 4	Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống;	tích lũy ở đại học	
5 6 7 8 9 10 11 12 13 14	Quản trị kinh doanh; Marketing; Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch); Văn hóa du lịch; Quan hệ công chúng; Quản lý thông tin; Công nghệ thông tin; Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý văn hóa.	Tổng quan du lịch + Quản trị kinh doanh lý hành + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Tổng quan du lịch (2 TC) 2. Quản trị kinh doanh lý hành (2 TC) 3. Marketing du lịch (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)
15	Tất cả các ngành khác	Tổng quan du lịch + Quản trị kinh doanh lý hành + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Tổng quan du lịch (2 TC) 2. Quản trị kinh doanh lý hành (2 TC) 3. Marketing du lịch (2 TC) 4. Kinh tế du lịch (2 TC) 5. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (2 TC) 6. Tuyển điểm du lịch (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

VII. Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí động lực

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học xét tuyển	Bổ sung kiến thức
1 2 3	Kỹ thuật cơ khí động lực Công nghệ kỹ thuật ô tô Kỹ thuật ô tô	Lý thuyết ô tô + Nguyên lý động cơ đốt trong + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	Không học bổ sung kiến thức
4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Công nghệ chế tạo máy Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt Công nghệ Kỹ thuật tàu thủy Bảo dưỡng công nghiệp Kỹ thuật Cơ khí Kỹ thuật Cơ điện tử Kỹ thuật Nhiệt Kỹ thuật Công nghiệp Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	Lý thuyết ô tô + Nguyên lý động cơ đốt trong + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Lý thuyết ô tô (3 TC) 2. Kết cấu ô tô (2 TC) 3. Nguyên lý động cơ đốt trong (3 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

16	Kỹ thuật Hàng không		
17	Kỹ thuật tàu thủy		
15	Tất cả các ngành khác	Lý thuyết ô tô + Nguyên lý động cơ đốt trong + Điểm trung bình tích lũy ở đại học	1. Nhập môn Kỹ thuật cơ khí động lực (2 TC) 2. Lý thuyết ô tô (3 TC) 3. Kết cấu ô tô (2 TC) 4. Nguyên lý động cơ đốt trong (3 TC) 5. Ô tô hiện đại (2 TC) (Ghi chú: Có thể thay đổi theo yêu cầu xét tuyển của Khoa chuyên môn)

VIII. Thạc sĩ Nội khoa

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học thi tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Y khoa Bác sĩ y khoa Bác sĩ đa khoa	Sinh lý + Nội khoa	Không học bổ sung kiến thức

IX. Thạc sĩ Ngoại khoa

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học thi tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Y khoa Bác sĩ y khoa Bác sĩ đa khoa	Giải phẫu + Ngoại khoa	Không học bổ sung kiến thức

X. Chuyên khoa I Nội Khoa

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học thi tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Y khoa Bác sĩ y khoa Bác sĩ đa khoa	Môn cơ sở: Sinh lý Môn chuyên ngành: Nội khoa	Không học bổ sung kiến thức

XI. Chuyên khoa I Ngoại Khoa

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học thi tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Y khoa Bác sĩ y khoa Bác sĩ đa khoa	Môn cơ sở: Giải phẫu Môn chuyên ngành: Ngoại khoa	Không học bổ sung kiến thức

XII. Chuyên khoa I Dược lý – Dược lâm sàng

TT	Ngành được dự tuyển	Môn học thi tuyển	Bổ sung kiến thức
1	Dược học	Môn cơ sở: Sinh lý Môn chuyên ngành: Dược lý và Dược lâm sàng	Không học bổ sung kiến thức

PHỤ LỤC 2

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong
tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ**

*(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

ĐÀO TẠO

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG - ĐHNCT

Cần Thơ, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Số: 38849
ĐẾN Ngày: 24/6/26 **THÔNG BÁO**
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026 - đợt 2

1. NGÀNH XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Chuyển:..... Ngành **QUẢN TRỊ KINH DOANH - 9340101** - chỉ tiêu dự kiến 15 nghiên cứu sinh

2. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN

2.1 Điều kiện văn bằng:

Người dự tuyển phải thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành gần với ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ ngành tương ứng trước khi tổ chức xét tuyển.
- Đối với ngành Quản trị kinh doanh: Người tốt nghiệp trình độ đại học loại giỏi ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải hoàn tất các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng (không bao gồm ngoại ngữ và luận văn).

Danh mục các ngành được dự tuyển và các học phần bổ sung kiến thức được thể hiện ở Phụ lục 1.

Ghi chú: Người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có bản công chứng tiếng Việt văn bằng tốt nghiệp, bảng điểm tiếng Việt kèm văn bản xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp nước ngoài khi nộp hồ sơ dự tuyển hoặc có cam kết trong thời gian một năm phải hoàn thành thủ tục xác nhận văn bằng tốt nghiệp này.

2.2 Năng lực nghiên cứu: Người dự tuyển phải thỏa mãn **một** trong các điều kiện sau:

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu;
- Có tối thiểu 01 bài báo, báo cáo khoa học đã công bố nếu tốt nghiệp thạc sĩ định hướng ứng dụng;
- Có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

2.3 Điều kiện ngoại ngữ: Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố được thể hiện tại Phụ lục 2.

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

• Hội đồng chuyên môn đánh giá đề cương định hướng nghiên cứu (*theo mẫu*), bản dự kiến kế hoạch học tập (*theo mẫu*), đánh giá trình độ chuyên môn, khả năng tự nghiên cứu, học lực ở bậc đại học, thạc sĩ,... để xét duyệt hướng nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ.

• Điểm trung bình chung của tất cả 05 thành viên Hội đồng đánh giá phải đạt từ 7,0/10 trở lên.

• Hội đồng tuyển sinh sẽ phê duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển căn cứ theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn về năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và chỉ tiêu xét tuyển năm 2026.

4. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm có:

- 01 phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*);
- 02 bản sao bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm/phụ lục văn bằng (*bản sao có thị thực*);
- 02 bản sao bằng tốt nghiệp thạc sĩ và bảng điểm/phụ lục văn bằng (*bản sao có thị thực*);
- 01 lý lịch khoa học (*bản chính theo mẫu*);
- 01 CCCD (*bản sao có thị thực*);
- 02 tấm ảnh 3*4 (*ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh sau ảnh*);
- 02 bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (*bản sao có thị thực*);
- Có một trong các minh chứng sau:
 - Luận văn thạc sĩ theo chương trình định hướng nghiên cứu;
 - Bản sao bài báo, báo cáo khoa học đã công bố (*06 bản*);
 - Bản xác nhận thâm niên công tác (*tối thiểu 24 tháng*) là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- 06 bản dự thảo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (*theo mẫu*);
- 06 bản đề cương định hướng nghiên cứu (*theo mẫu*);
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (*nếu người dự tuyển là công chức, viên chức*);
- 02 thư giới thiệu của 02 giảng viên hoặc nghiên cứu viên có học vị tiến sĩ đang công tác tại các cơ quan nghiên cứu, viện/trường, có cùng lĩnh vực với người dự tuyển (*thư bao gồm thông tin giới thiệu ứng viên, văn tắt định hướng nghiên cứu, thông tin liên hệ người giới thiệu gồm email, số điện thoại, tên đơn vị làm việc và có đính kèm bản photo bằng tiến sĩ*);
- 01 giấy chấp nhận hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học (*mỗi ứng viên có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của trường Đại học Nam Cần Thơ*);
- 01 giấy xác nhận tương đương văn bằng của Cục Quản lý chất lượng đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (*bản sao có thị thực nếu có*).

Ghi chú: Thủ tục đăng ký hậu kiểm văn bằng, chứng chỉ sẽ được Khoa Sau Đại học hướng dẫn sau khi thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

5. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN

- Hồ sơ dự tuyển nộp tại Khoa Sau đại học, trường Đại học Nam Cần Thơ từ ngày thông báo đến **hết ngày 15/8/2026** (cập nhật tại website Trường).
- Thời gian báo cáo đề cương định hướng nghiên cứu: dự kiến tháng 9/2026.
- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và nhập học: dự kiến tháng 10/2026.
- Nhà trường chỉ nhận các hồ sơ đầy đủ các mục quy định và không hoàn trả hồ sơ.
- Đối với ứng viên tốt nghiệp nhưng chưa nhận văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp thay văn bằng tốt nghiệp và phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp.

6. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ XÉT TUYỂN (không hoàn trả)

- Lệ phí đăng ký và xét tuyển theo đề cương: 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng/hồ sơ (không bao gồm phí hậu kiểm văn bằng, chứng chỉ).

7. HỌC PHÍ TOÀN KHÓA

Quản trị kinh doanh: 186.000.000 (Một trăm tám mươi sáu triệu) đồng/khóa/3 năm.

8. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo chính quy.
- Hình thức giảng dạy: Giảng dạy tập trung (offline) và trực tuyến (online) hoặc kết hợp cả hai vừa tập trung vừa trực tuyến;
- Thời gian học tập: Có 2 phương án cho nghiên cứu sinh lựa chọn:
 - Phương án 1: Học từ thứ hai đến thứ sáu.
 - Phương án 2: Học từ thứ sáu đến chủ nhật.
- Thời gian đào tạo: 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng).

9. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ: www.nctu.edu.vn

Nơi nhận:

- Các Sở, Trường ĐH, CĐ.
- Website: <http://www.nctu.edu.vn>.
- HDT, BGH: báo cáo
- Lưu VT, P.TC-HC, K.SDH.



PHỤ LỤC 1

Danh mục ngành được dự tuyển và các học phần bổ sung kiến thức

Phụ lục 1.1 Danh mục ngành đúng và ngành gần với ngành tuyển sinh

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành gần học bổ sung kiến thức
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	• Kinh doanh quốc tế (ngoại thương); • Quản trị dịch vụ, du lịch và lữ hành; • Kinh doanh thương mại; • Quản trị marketing; • Kế toán; • Kiểm toán; • Tài chính Ngân hàng; • Tài chính Doanh nghiệp; • Kinh tế phát triển; • Kinh tế Nông nghiệp.

Phụ lục 1.2 Các học phần bổ sung kiến thức cho nghiên cứu sinh ngành Quản trị kinh doanh có trình độ đại học

Nghiên cứu sinh có trình độ đại học sau khi trúng tuyển phải học bổ sung các học phần (30 tín chỉ) của chương trình đào tạo thạc sĩ (không bao gồm Luận văn tốt nghiệp và các chuyên đề)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Triết học		X	
2	Kinh tế học quản lý		X	
3	Các lý thuyết quản trị		X	
4	Quản trị đổi mới và sáng tạo			X
5	Quản trị nguồn nhân lực			X
6	Quản trị tài chính		X	
7	Quản trị marketing		X	
8	Quản trị sản xuất và tác nghiệp		X	
9	Thống kê và dự báo		X	
10	Quản trị chiến lược nâng cao		X	
11	Kế toán quản trị			X
12	Quản trị rủi ro tài chính			X
13	Quản trị chuỗi cung ứng			X
14	Quản trị kinh doanh quốc tế			X
15	Định giá doanh nghiệp			X
16	Phân tích chuỗi giá trị			X

Phụ lục 1.3 Các học phần bổ sung kiến thức cho nghiên cứu sinh ngành Quản trị kinh

doanh có trình độ thạc sĩ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kinh tế học quản lý	3	X	
2	Thống kê và dự báo trong kinh doanh	3	X	
3	Quản trị marketing	3	X	

Phụ lục 1.4 Danh sách giảng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh và hướng nghiên cứu ngành Quản trị kinh doanh

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS
1	Phân tích chuỗi cung ứng sản phẩm	PGS.TS. Đào Duy Huân
2	Phân tích cấu trúc – vận hành, kết quả thị trường của hàng hóa/dịch vụ	PGS. TS. Nguyễn Tri Khiêm PGS.TS. Đỗ Văn Xê
3	Quản trị chuỗi cung ứng và logistics	PGS. TS. Lưu Thanh Đức Hải PGS. TS. Võ Văn Dứt
4	Giải pháp phát triển chất lượng cung ứng dịch vụ của các doanh nghiệp ở ĐBSCL	PGS. TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi PGS. TS. Ngô Mỹ Trân
5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực chuỗi cung ứng và logistic – khảo hướng quản trị rủi ro	PGS. TS. Nguyễn Phú Sơn TS. Nguyễn Hồng Gấm
6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý hệ thống chăm sóc sức khỏe và y tế	TS. Nguyễn Văn Tạc TS. Đoàn Hoài Nhân
7	Liên kết blockchain và chuỗi cung ứng: ngành công nghệ thực phẩm ở Việt Nam	TS. La Nguyễn Thùy Dung TS. Lưu Tiên Thuận
8	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Việt nam trong môi liên hệ kinh doanh	TS. Nguyễn Quốc Nghi
9	Xây dựng chiến lược marketing xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam	
10	Phát triển thương mại điện tử trong doanh nghiệp	
11	Phân tích môi trường kinh doanh và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI	

PHỤ LỤC 2

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ
tương đương Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ**

*(Kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF 400 trở lên Văn bằng DELF B2 trở lên Diplôme de Langue trở lên
3	Tiếng Đức	Goethe –Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
4	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ- Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Ghi chú: Các chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo đúng quy định hiện hành. Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Trường cần xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi tương đương.